

**Phụ lục V**

**Appendix V**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng*

*Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020*

*of the Minister of Finance)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH**

**LÍP ĐÔNG ANH**

**DONG ANH C&F JOINT**

**STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Independence - Freedom - Happiness**

Số: 01/BC-QT

No: 01/BC-QT

*Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2026*

*Ha Noi, day 28 month 7 year 2026*

**BÁO CÁO**

**Tình hình quản trị công ty**

**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

**(6 tháng/năm)**

**(6 months/year)**

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;**

**- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.**

**To : - The State Securities Commission;**

**- The Stock Exchange Hanoi**

**- Tên công ty/Name of company: CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐÔNG ANH**

**- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: Số 11, tổ 47, xã Thư Lâm, TP Hà Nội**

**- Điện thoại/Telephone: 024 3 8832369 Fax: Email: xichlipda@xichlip.vn**

**- Vốn điều lệ/Charter capital: 114.000.000.000 đồng**

**- Mã chứng khoán/Stock symbol: DFC**

**- Mô hình quản trị công ty/Governance model:**

**+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc/General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and Director.**

**+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc/Giám đốc và có Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị/General Meeting of Shareholders, Board of Directors, General Director, Director and Audit Committee under the Board of Directors.**



- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện/Chưa thực hiện/*The implementation of internal audit: Implemented/Not yet implemented*. Chưa thực hiện

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/*Activities of the General Meeting of Shareholders***

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/*Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):*

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/Quyết định<br><i>Resolution/Decision No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i> |
|------------|------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------|
| 1          | NQ số 01/2026/NQ-HĐQT                                      | 26/5/2026           | ĐHCĐ TN năm 2026           |

**II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/*Board of Directors (Semi-annual report/annual report):***

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/*Information about the members of the Board of Directors:*

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/<br><i>Board of Directors' members</i> | Chức vụ/<br><i>Position</i><br>(thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành))<br><i>Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors))</i> | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập<br><i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors</i> |                                             |
|------------|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
|            |                                                        |                                                                                                                                                                                              | Ngày bổ nhiệm<br><i>Date of appointment</i>                                                                                           | Ngày miễn nhiệm<br><i>Date of dismissal</i> |
| 1          | Phan Tấn Bình                                          | Chủ tịch HĐQT                                                                                                                                                                                | 23/4/2019                                                                                                                             |                                             |
| 2          | Phùng Quang Hải                                        | TV. HĐQT                                                                                                                                                                                     | 23/4/2019                                                                                                                             |                                             |
| 3          | Phạm Đức Hiếu                                          | TV. HĐQT                                                                                                                                                                                     | 23/4/2019                                                                                                                             |                                             |
| 4          | Nguyễn Minh Tuấn                                       | TV. HĐQT                                                                                                                                                                                     | 23/4/2019                                                                                                                             |                                             |
| 5          | Nguyễn Hữu Thắng                                       | TV. HĐQT                                                                                                                                                                                     | 23/11/2021                                                                                                                            |                                             |
| 6          | Phan Thanh Việt                                        | TV.HĐQT                                                                                                                                                                                      | 23/4/2024                                                                                                                             |                                             |

2. Các cuộc họp HĐQT/*Meetings of the Board of Directors:*

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/<br><i>Board of Director' member</i> | Số buổi họp HĐQT tham dự/ <i>Number of meetings attended by Board of Directors</i> | Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance rate</i> | Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for absence</i> |
|------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
|------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------|

|   |                  |     |      |  |
|---|------------------|-----|------|--|
| 1 | Phan Tấn Bình    | 8/8 | 100% |  |
| 2 | Phùng Quang Hải  | 8/8 | 100% |  |
| 3 | Phạm Đức Hiếu    | 8/8 | 100% |  |
| 4 | Nguyễn Minh Tuấn | 8/8 | 100% |  |
| 5 | Nguyễn Hữu Thắng | 8/8 | 100% |  |
| 6 | Phan Thanh Việt  | 8/8 | 100% |  |

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/*Supervising the Board of Management by the Board of Directors*: Thông qua các cuộc họp giao ban hàng tháng

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/*Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any)*: không

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/*Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual report/annual report)*:

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/Quyết định<br><i>Resolution/Decision No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                         | Tỷ lệ<br>thông<br>qua<br><i>Approval<br/>rate</i> |
|------------|------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 1          | 01/2026/NQ HĐQT-XL                                         | 03/01/2026          | Báo cáo công tác SXKD năm 2025, kế hoạch tài chính năm 2026                                        | 100%                                              |
| 2          | 02/2026/NQ HĐQT-XL                                         | 05/03/2026          | Vv tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026                                               | 100%                                              |
| 3          | 02A/2026/NQ HĐQT-XL                                        | 26/03/2026          | Thông qua các văn bản trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026                                             | 100%                                              |
| 4          | 03/2026/NQ HĐQT-XL                                         | 03/4/2026           | Vv lùi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026                                 | 100%                                              |
| 5          | 04/2026/NQ HĐQT-XL                                         | 21/05/2026          | Duyệt các văn bản trình trước ĐHĐCĐ và Thông qua việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế 2025 | 100%                                              |
| 6          | 05/2026/NQ HĐQT-XL                                         | 04/4/2026           | Báo cáo công tác SXKD Quý I/2026 và kế hoạch sản xuất Quý II/2026                                  | 100%                                              |

**III. Ban kiểm soát/Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo 6 tháng/năm)/*Board of Supervisors/Audit Committee (Semi-annual report/annual report)*:**

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Ủy ban Kiểm toán/ *Information about members of Board of Supervisors or Audit Committee*:

| Stt<br>No. | Thành viên<br>BKS/Ủy ban Kiểm<br>toán<br><i>Members of Board of<br/>Supervisors/ Audit<br/>Committee</i> | Chức vụ<br><i>Position</i> | Ngày bắt đầu/không còn<br>là thành viên BKS/Ủy<br>ban<br>Kiểm toán<br><i>The date<br/>becoming/ceasing to be<br/>the member of the Board<br/>of Supervisors/Audit<br/>Committee</i> | Trình độ chuyên<br>môn <i>Qualification</i> |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
| 1          | Trần Thị Việt Hằng                                                                                       | Trưởng ban<br>Kiểm soát    | 23/4/2019                                                                                                                                                                           | Cử nhân Kinh tế                             |
| 2          | Đặng Thế Nguyễn                                                                                          | TV. Ban kiểm<br>soát       | 23/11/2021                                                                                                                                                                          | Cử nhân kỹ thuật                            |
| 3          | Nguyễn Bình An                                                                                           | TV. Ban kiểm<br>soát       | 23/4/2024                                                                                                                                                                           | Thạc sỹ QTKD                                |

2. Cuộc họp của BKS/Ủy ban Kiểm toán/*Meetings of Board of Supervisors or Audit Committee*

| Stt<br>No. | Thành viên BKS/Ủy<br>ban<br>Kiểm toán<br><i>Members of Board of<br/>Supervisors/Audit<br/>Committee</i> | Số buổi họp<br>tham dự<br><i>Number of<br/>meetings<br/>attended</i> | Tỷ lệ tham<br>dự họp<br><i>Attendance<br/>rate</i> | Tỷ lệ biểu<br>quyết<br><i>Voting rate</i> | Lý do không tham<br>dự họp<br><i>Reasons for<br/>absence</i> |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1          | Trần Thị Việt Hằng                                                                                      | 3/3                                                                  | 100%                                               | 100%                                      |                                                              |
| 2          | Đặng Thế Nguyễn                                                                                         | 3/3                                                                  | 100%                                               | 100%                                      |                                                              |
| 3          | Nguyễn Bình An                                                                                          | 3/3                                                                  | 100%                                               | 100%                                      |                                                              |

3. Hoạt động giám sát của BKS/Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/*Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors or Audit Committee: Giám sát các hoạt động của HĐQT và hoạt động SXKD của công ty.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/*The coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers: Thông qua các cuộc họp giao ban hàng tháng*

5. Hoạt động khác của BKS/Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/*Other activities of the Board of Supervisors and Audit Committee (if any):*

**IV. Ban điều hành/*Board of Management***

| STT | Thành viên Ban điều | Ngày tháng | Trình độ chuyên | Ngày bổ nhiệm/miễn |
|-----|---------------------|------------|-----------------|--------------------|
|-----|---------------------|------------|-----------------|--------------------|

| No. | hành/ <i>Members of Board of Management</i> | năm sinh<br><i>Date of birth</i> | môn<br><i>Qualification</i> | nhiệm thành viên<br>Ban điều hành/<br><i>Date of appointment/<br/>dismissal of<br/>members of the<br/>Board of<br/>Management/</i> |
|-----|---------------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Ngô Vĩnh Tĩnh                               | 25/12/1978                       | Thạc Sĩ                     | 1/10/2015                                                                                                                          |
| 2   | Nguyễn Thị Thu Hà                           | 16/6/1976                        | Đại học                     | 29/11/2016                                                                                                                         |

**V. Kế toán trưởng/Chief Accountant**

| Họ và tên<br><i>Name</i> | Ngày tháng<br>năm sinh<br><i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên môn<br>nghề nghiệp<br><i>Qualification</i> | Ngày bổ nhiệm/<br>miễn nhiệm<br><i>Date of appointment/<br/>dismissal</i> |
|--------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| Phạm Đức Hiếu            | 13/12/1973                                     | Đại học                                                    | 29/11/2016                                                                |

**VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:**

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance*: Tham gia đầy đủ

**VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/*The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report/annual report) and transactions of affiliated persons of the Company***

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/*The list of affiliated persons of the Company*

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Addresses</i> | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i> |
|------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------|

|     |                       |                 |                      |  |                                                    |      |  |  |                                                                 |
|-----|-----------------------|-----------------|----------------------|--|----------------------------------------------------|------|--|--|-----------------------------------------------------------------|
| 1   | Phan Tấn Bình         | 072C0301<br>41  | CT<br>HĐQT           |  | Tổ 20 –<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                   | 2019 |  |  |                                                                 |
| 1.1 | Bùi Thị Bình          |                 |                      |  | Tổ 20 –<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                   | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Phan Tấn Bình<br>- Vợ        |
| 1.2 | Phan Thanh Việt       | 072C-<br>092918 | Trợ lý<br>CT<br>HĐQT |  | Tổ 20 –<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                   | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Phan Tấn Bình<br>- Con đẻ    |
| 1.3 | Phan Thành Nam        | 072C-<br>001839 |                      |  | Tổ 20 –<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                   | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Phan Tấn Bình<br>- Con đẻ    |
| 1.4 | Dương Thị Thu<br>Hiền |                 |                      |  | Tổ 20 –<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                   | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Phan Tấn Bình<br>- Con dâu   |
| 1.5 | Lại Thị Hằng          |                 |                      |  | Tổ 20 –<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                   | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Phan Tấn Bình<br>- Con dâu   |
| 2   | Phùng Quang<br>Hải    | 072C0021<br>56  | TV<br>HĐQT -<br>TGĐ  |  | Tổ 22 –<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                   | 2019 |  |  |                                                                 |
| 2.1 | Nguyễn Thị Minh       |                 |                      |  | Thôn<br>Xuân<br>Nộn -<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>Hà Nội | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Phùng Quang<br>Hải - Mẹ vợ   |
| 2.2 | Đoàn Thị Tâm          |                 |                      |  | Tổ 22 –<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                   | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Phùng Quang<br>Hải - Vợ      |
| 2.3 | Phùng Quang<br>Anh    | 072C-<br>001832 |                      |  | Tổ 22 –<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                   | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Phùng Quang<br>Hải - Con đẻ  |
| 2.4 | Phùng Mỹ Linh         |                 |                      |  | Tổ 22 –<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                   | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Phùng Quang<br>Hải - Con đẻ  |
| 2.5 | Nghiêm Thị Kim<br>Huệ |                 |                      |  | Tổ 22 –<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                   | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Phùng Quang<br>Hải - Con dâu |
| 2.6 | Phùng Thị<br>Dương    |                 |                      |  | Thạc<br>Đà, Yên<br>Lãng -<br>Hà Nội                | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Phùng Quang<br>Hải - Em gái  |
| 2.7 | Lưu Văn Vịnh          |                 |                      |  | Thạc<br>Đà,<br>Yên<br>Lãng -<br>Hà Nội             | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Phùng Quang<br>Hải - Em rể   |
| 3   | Phạm Đức Hiếu         | 072C7005<br>5   | TV<br>HĐQT -<br>KTT  |  | Tổ 19 -<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                   | 2019 |  |  |                                                                 |

|      |                           |                |            |  |                                                       |      |  |  |                                                                |
|------|---------------------------|----------------|------------|--|-------------------------------------------------------|------|--|--|----------------------------------------------------------------|
| 3.1  | Phạm Tràng Điền           |                |            |  | Tổ 19 -<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                      | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Phạm Đức<br>Hiếu - Bố đẻ    |
| 3.2  | Nguyễn Thị An             |                |            |  | Tổ 19 -<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                      | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Phạm Đức<br>Hiếu - Mẹ đẻ    |
| 3.3  | Nguyễn Thanh<br>Hà        |                |            |  | Tổ 19 -<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                      | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Phạm Đức<br>Hiếu - Vợ       |
| 3.4  | Phạm Quốc Hưng            |                |            |  | Tổ 19 -<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                      | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Phạm Đức<br>Hiếu - con đẻ   |
| 3.5  | Phạm Quỳnh<br>Nhu         |                |            |  | Tổ 19 -<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                      | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Phạm Đức<br>Hiếu - con đẻ   |
| 3.6  | Phạm Thị Hạnh             |                |            |  | Austral<br>ia                                         | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Phạm Đức<br>Hiếu - Em gái   |
| 3.7  | Nguyễn Văn Nam            |                |            |  | Austral<br>ia                                         | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Phạm Đức<br>Hiếu - Em rể    |
| 3.8  | Nguyễn Mậu<br>Minh        |                |            |  | Tổ 3 -<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                       | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Phạm Đức<br>Hiếu - Bố vợ    |
| 3.9  | Đặng Phương<br>Hồng       |                |            |  | Tổ 3 -<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                       | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Phạm Đức<br>Hiếu - Mẹ vợ    |
| 3.10 | Nguyễn Hoài<br>Nam        |                |            |  | Tổ 3 -<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                       | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Phạm Đức<br>Hiếu - Em vợ    |
| 3.11 | Nguyễn Thị Thu<br>Hương   |                |            |  | Tổ 3 -<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                       | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Phạm Đức<br>Hiếu - Em dâu   |
| 4    | Nguyễn Minh<br>Tuấn       | 0001552<br>725 | TV<br>HDQT |  | Tổ 21 -<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                      | 2019 |  |  |                                                                |
| 4.1  | Phạm Thị Phòng            |                |            |  | Biểu<br>khê-Xã<br>Thụ<br>Lâm-<br>HN                   | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Nguyễn Minh<br>Tuấn - Mẹ đẻ |
| 4.2  | Nguyễn Thị<br>Thánh (Luu) |                |            |  | Thôn<br>Tiên<br>Hùng -<br>Xã<br>Phúc<br>Thịnh -<br>HN | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Nguyễn Minh<br>Tuấn - Mẹ vợ |
| 4.3  | Nguyễn Thị Ánh<br>Nhung   |                |            |  | Tổ 21 -<br>Xã Thụ<br>Lâm -                            | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Nguyễn Minh                 |

|      |                   |  |  |  |                                  |      |  |  |                                                                                              |
|------|-------------------|--|--|--|----------------------------------|------|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------|
|      |                   |  |  |  | HN                               |      |  |  | Tuấn - vợ                                                                                    |
| 4.4  | Nguyễn Thuý Trang |  |  |  | Tổ 21 - Xã Thư Lâm - HN          | 2019 |  |  | - Người có liên quan đến ông Nguyễn Minh Tuấn - con đẻ                                       |
| 4.5  | Nguyễn Hà My      |  |  |  | Tổ 21 - Xã Thư Lâm - HN          | 2019 |  |  | - Người có liên quan đến ông Nguyễn Minh Tuấn - con đẻ                                       |
| 4.6  | Nguyễn Minh Nhật  |  |  |  | Tổ 21 - Xã Thư Lâm - HN          | 2019 |  |  | - Người có liên quan đến ông Nguyễn Minh Tuấn - con đẻ<br>- Lý do không có giấy NSH: Còn nhỏ |
| 4.7  | Nguyễn Văn Tú     |  |  |  | Biểu Khê-Xã Thư Lâm - HN         | 2019 |  |  | - Người có liên quan đến ông Nguyễn Minh Tuấn - em trai                                      |
| 4.8  | Nguyễn Thị Nga    |  |  |  | Biểu Khê-Xã Thư Lâm - HN         | 2019 |  |  | - Người có liên quan đến ông Nguyễn Minh Tuấn - em dâu                                       |
| 4.9  | Nguyễn Thị Lịch   |  |  |  | Biểu Khê-Xã Thư Lâm - HN         | 2019 |  |  | - Người có liên quan đến ông Nguyễn Minh Tuấn - Chị gái                                      |
| 4.10 | Nguyễn Thị Xuân   |  |  |  | Biểu Khê-Xã Thư Lâm - HN         | 2019 |  |  | - Người có liên quan đến ông Nguyễn Minh Tuấn - Chị gái                                      |
| 4.11 | Đào Xuân Mai      |  |  |  | Tổ 19 - Xã Thư Lâm - HN          | 2019 |  |  | - Người có liên quan đến ông Nguyễn Minh Tuấn - anh rể                                       |
| 4.12 | Nguyễn Thị Hoa    |  |  |  | Tổ 19 - Xã Thư Lâm - HN          | 2019 |  |  | - Người có liên quan đến ông Nguyễn Minh Tuấn - Chị gái                                      |
| 4.13 | Nguyễn Thế Minh   |  |  |  | Thôn Khê Nữ - Xã Phúc Thịnh - HN | 2019 |  |  | - Người có liên quan đến ông Nguyễn Minh Tuấn - anh rể                                       |
| 4.14 | Nguyễn Thị Mai    |  |  |  | Thôn Khê Nữ - Xã Phúc Thịnh - HN | 2019 |  |  | - Người có liên quan đến ông Nguyễn Minh Tuấn - Chị gái                                      |
| 4.15 | Đỗ Văn Thuận      |  |  |  | Biểu Khê-Xã Thư Lâm - HN         | 2019 |  |  | - Người có liên quan đến ông Nguyễn Minh Tuấn - anh rể                                       |
| 4.16 | Nguyễn Văn        |  |  |  | Thôn                             | 2019 |  |  | - Người có liên                                                                              |

|      |                     |                |  |            |                                                                                                                                                                       |      |  |  |                                                                 |
|------|---------------------|----------------|--|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--|--|-----------------------------------------------------------------|
|      | Trường              |                |  |            | Tiên<br>Hùng -<br>Xã<br>Phúc<br>Thịnh -<br>HN                                                                                                                         |      |  |  | quan đến ông<br>Nguyễn Minh<br>Tuấn - Em vợ                     |
| 4.17 | Nguyễn Thị Lan      |                |  |            | Thôn<br>Tiên<br>Hùng -<br>Xã<br>Phúc<br>Thịnh -<br>HN                                                                                                                 | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Nguyễn Minh<br>Tuấn - Em dâu |
| 5    | Nguyễn Hữu<br>Thắng | 072C0068<br>98 |  | TV<br>HĐQT | Khu<br>chức<br>năng<br>đô thị<br>Thành<br>phố<br>Xanh,<br>Tổ dân<br>phố số<br>16,<br>Phườn<br>g Cầu<br>Diễn,<br>Quận<br>Nam<br>Từ<br>Liêm,<br>Thành<br>phố Hà<br>Nội. | 2021 |  |  |                                                                 |
| 5.1  | Nguyễn Văn<br>Trọng |                |  |            | TDP số<br>16, Cầu<br>Diễn,<br>Nam<br>Từ<br>Liêm,<br>Hà Nội                                                                                                            | 2021 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Nguyễn Hữu<br>Thắng - bố đẻ  |
| 5.2  | Nguyễn Thị Lựu      |                |  |            | TDP số<br>16, Cầu<br>Diễn,<br>Nam<br>Từ<br>Liêm,<br>Hà Nội                                                                                                            | 2021 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Nguyễn Hữu<br>Thắng - mẹ đẻ  |
| 5.3  | Phan Thị Lạc        |                |  |            | 66A<br>Trần<br>Hưng<br>Đạo, P.<br>Trần<br>Hưng<br>Đạo, Q.<br>Hoàn<br>Kiếm,<br>Hà Nội                                                                                  | 2021 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Nguyễn Hữu<br>Thắng - mẹ vợ  |
| 5.4  | Bạch Thanh<br>Nhân  |                |  |            | TDP số<br>16, Cầu<br>Diễn,<br>Nam<br>Từ<br>Liêm,                                                                                                                      | 2021 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Nguyễn Hữu<br>Thắng - vợ     |

|      |                                         |              |                   |  |                                                                 |      |  |  |                                                           |
|------|-----------------------------------------|--------------|-------------------|--|-----------------------------------------------------------------|------|--|--|-----------------------------------------------------------|
|      |                                         |              |                   |  | Hà Nội                                                          |      |  |  |                                                           |
| 5.5  | Nguyễn Hữu Hoàng                        |              |                   |  | TDP số 16, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội                        | 2021 |  |  | - Người có liên quan đến ông Nguyễn Hữu Thắng - con đẻ    |
| 5.6  | Nguyễn Hữu Hà                           |              |                   |  | TDP số 16, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội                        | 2021 |  |  | - Người có liên quan đến ông Nguyễn Hữu Thắng - con đẻ    |
| 5.7  | Nguyễn Thu Trang                        |              |                   |  | TDP số 16, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội                        | 2021 |  |  | - Người có liên quan đến ông Nguyễn Hữu Thắng - em gái    |
| 5.8  | Nguyễn Anh Tuấn                         |              |                   |  | 66 Nguyễn Văn Cừ, Tổ 3, Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội                | 2021 |  |  | - Người có liên quan đến ông Nguyễn Hữu Thắng - em rể     |
| 5.9  | Bạch Quốc Trung                         | 040C-5055555 |                   |  | Nhà A33 tập thể TW Đoàn, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy Hà Nội  | 2021 |  |  | - Người có liên quan đến ông Nguyễn Hữu Thắng - Em vợ     |
| 5.10 | Công ty cổ phần cơ điện miền Trung -CJC |              |                   |  | KCN Hòa Cầm, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng | 2021 |  |  | - Tổ chức có liên quan đến ông Nguyễn Hữu Thắng - CT HĐQT |
| 6    | Nguyễn Thị Thu Hà                       | 072C002608   | Phó Tổng Giám đốc |  | Tổ 13 - Xã Thụ Lâm - Hà Nội                                     | 2021 |  |  |                                                           |
| 6.1  | Nguyễn Kiên                             |              |                   |  | Tổ 17 - Xã Thụ Lâm-                                             | 2021 |  |  | - Người có liên quan đến bà Nguyễn Thị                    |

|     |                         |                |                               |  |                                               |      |  |  |                                                                                                                |
|-----|-------------------------|----------------|-------------------------------|--|-----------------------------------------------|------|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                         |                |                               |  | Hà Nội                                        |      |  |  | Thu Hà - bố đẻ                                                                                                 |
| 6.2 | Bạch Thị Thu            |                |                               |  | Tổ 17 -<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>Hà Nội          | 2021 |  |  | - Người có liên<br>quan đến bà<br>Nguyễn Thị<br>Thu Hà - mẹ<br>đẻ                                              |
| 6.3 | Nguyễn Văn<br>Trường    |                |                               |  | Tổ 13 -<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>Hà Nội          | 2021 |  |  | - Người có liên<br>quan đến bà<br>Nguyễn Thị<br>Thu Hà -<br>chồng                                              |
| 6.4 | Nguyễn Thùy<br>Dương    |                |                               |  | Tổ 13 -<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>Hà Nội          | 2021 |  |  | - Người có liên<br>quan đến bà<br>Nguyễn Thị<br>Thu Hà - con<br>đẻ                                             |
| 6.5 | Nguyễn Duy Bảo          |                |                               |  | Tổ 13 -<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>Hà Nội          | 2021 |  |  | - Người có liên<br>quan đến bà<br>Nguyễn Thị<br>Thu Hà - con<br>đẻ<br>- Lý do không<br>có giấy NSH:<br>còn nhỏ |
| 6.6 | Nguyễn Mạnh<br>Hùng     |                |                               |  | Tổ 17 -<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>Hà Nội          | 2021 |  |  | - Người có liên<br>quan đến bà<br>Nguyễn Thị<br>Thu Hà - Em<br>trai                                            |
| 6.7 | Đặng Linh Lan           |                |                               |  | Tổ 17 -<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>Hà Nội          | 2021 |  |  | - Người có liên<br>quan đến bà<br>Nguyễn Thị<br>Thu Hà - Em<br>dâu                                             |
| 7   | Ngô Vĩnh Tĩnh           | 072C0026<br>05 | Tổng<br>Giám<br>đốc           |  | Thôn<br>Thụ<br>Lôi - Xã<br>Thụ<br>Lâm -<br>HN | 2019 |  |  |                                                                                                                |
| 7.1 | Nguyễn Thị Lan          |                |                               |  | Thôn<br>Thụ<br>Lôi - Xã<br>Thụ<br>Lâm -<br>HN | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Ngô Vĩnh Tĩnh<br>- Mẹ đẻ                                                    |
| 7.2 | Ngô Anh Tiến            |                |                               |  | Thôn<br>Thụ<br>Lôi - Xã<br>Thụ<br>Lâm -<br>HN | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Ngô Vĩnh Tĩnh<br>- Em trai                                                  |
| 7.3 | Nguyễn Thị Thu<br>Trang |                |                               |  | Thôn<br>Thụ<br>Lôi - Xã<br>Thụ<br>Lâm -<br>HN | 2019 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Ngô Vĩnh Tĩnh<br>- Em dâu                                                   |
| 8   | Trần Thị Việt<br>Hằng   | 072C0026<br>64 | Trưởng<br>Ban<br>kiểm<br>soát |  | Tổ 22-<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN               | 2021 |  |  |                                                                                                                |

|     |                       |  |  |  |                                                                                      |      |  |  |                                                                                                              |
|-----|-----------------------|--|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------|------|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8.1 | Trần Văn Hiến         |  |  |  | Tổ 22-<br>Xã Thư<br>Lâm-<br>HN                                                       | 2021 |  |  | - Người có liên<br>quan đến Bà<br>Trần Thị Việt<br>Hằng - Bố đẻ                                              |
| 8.2 | Đỗ Thị Hoa            |  |  |  | Tổ 22-<br>Xã Thư<br>Lâm-<br>HN                                                       | 2021 |  |  | - Người có liên<br>quan đến Bà<br>Trần Thị Việt<br>Hằng - Mẹ đẻ                                              |
| 8.3 | Nguyễn Thị Vĩnh       |  |  |  | Xóm<br>Bắc- Xã<br>Hoàng<br>Đan-<br>Huyện<br>Tam<br>Dương-<br>Tỉnh<br>Vĩnh<br>Phúc    | 2021 |  |  | - Người có liên<br>quan đến Bà<br>Trần Thị Việt<br>Hằng - Mẹ<br>chồng                                        |
| 8.4 | Dương Ngọc<br>Minh    |  |  |  | Xóm<br>Bắc- Xã<br>Hoàng<br>Đan-<br>Huyện<br>Tam<br>Dương-<br>Tỉnh<br>Vĩnh<br>Phúc    | 2021 |  |  | - Người có liên<br>quan đến bà<br>Trần Thị Việt<br>Hằng - chồng                                              |
| 8.5 | Trần Việt Dũng        |  |  |  | P221-<br>D8-Tổ<br>7-Khu<br>đô thị<br>Đặng<br>Xá-<br>Đặng<br>Xá-Gia<br>Lâm-<br>Hà Nội | 2021 |  |  | - Người có liên<br>quan đến Bà<br>Trần Thị Việt<br>Hằng - Anh<br>trai                                        |
| 8.6 | Cao Thị Khánh<br>Ngọc |  |  |  | P221-<br>D8-Tổ<br>7-Khu<br>đô thị<br>Đặng<br>Xá-<br>Đặng<br>Xá-Gia<br>Lâm-<br>Hà Nội | 2021 |  |  | - Người có liên<br>quan đến Bà<br>Trần Thị Việt<br>Hằng - Chị dâu                                            |
| 8.7 | Dương Trung<br>Kiên   |  |  |  | Tổ 22-<br>Xã Thư<br>Lâm-<br>HN                                                       | 2021 |  |  | - Người có liên<br>quan đến Bà<br>Trần Thị Việt<br>Hằng - Con đẻ                                             |
| 8.8 | Dương Nhật Nam        |  |  |  | Tổ 22-<br>Xã Thư<br>Lâm-<br>HN                                                       | 2021 |  |  | - Người có liên<br>quan đến Bà<br>Trần Thị Việt<br>Hằng - Con đẻ<br>- Lý do không<br>có giấy NSH:<br>còn nhỏ |
| 8.9 | Dương Tuệ Đức         |  |  |  | Tổ 22-<br>Xã Thư<br>Lâm-<br>HN                                                       | 2021 |  |  | - Người có liên<br>quan đến Bà<br>Trần Thị Việt<br>Hằng - Con đẻ                                             |

|      |                   |             |                  |  |                                                        |      |  |  |                                                                 |
|------|-------------------|-------------|------------------|--|--------------------------------------------------------|------|--|--|-----------------------------------------------------------------|
|      |                   |             |                  |  |                                                        |      |  |  | - Lý do không có giấy NSH: còn nhỏ                              |
| 8.10 | Dương Thị Bình An |             |                  |  | Xóm Bắc- Xã Hoàng Đan- Huyện Tam Dương- Tỉnh Vĩnh Phúc | 2021 |  |  | - Người có liên quan đến Bà Trần Thị Việt Hằng - Chị gái chồng  |
| 8.11 | Dương Ngọc Bình   |             |                  |  | Xóm Bắc- Xã Hoàng Đan- Huyện Tam Dương- Tỉnh Vĩnh Phúc | 2021 |  |  | - Người có liên quan đến Bà Trần Thị Việt Hằng - Anh trai chồng |
| 8.12 | Lê Văn Bưởi       |             |                  |  | Thôn Ngòi- Hoàng Đan- Tam Dương- Vĩnh Phúc             | 2021 |  |  | - Người có liên quan đến Bà Trần Thị Việt Hằng - Anh rể chồng   |
| 8.13 | Bế Thị Lan        |             |                  |  | Vũng Bền, Quang Hán, Trùng Khánh, Cao Bằng             | 2021 |  |  | - Người có liên quan đến Bà Trần Thị Việt Hằng - Chị dâu chồng  |
| 9    | Đặng Thế Nguyễn   | 072C-001167 | TV Ban kiểm soát |  | Xóm Trong - Xã Đông Anh - Hà Nội                       | 2021 |  |  |                                                                 |
| 9.1  | Hoàng Thị Múa     |             |                  |  | Xóm trong, Xã Đông Anh, HN                             | 2021 |  |  | - Người có liên quan đến ông Đặng Thế Nguyễn - Mẹ đẻ            |
| 9.2  | Vương Thị Thường  |             |                  |  | Xóm trong, Xã Đông Anh, HN                             | 2021 |  |  | - Người có liên quan đến ông Đặng Thế Nguyễn - Vợ               |
| 9.3  | Đặng Thế Chính    |             |                  |  | Xóm trong, Xã Đông Anh, HN                             | 2021 |  |  | - Người có liên quan đến ông Đặng Thế Nguyễn - Con đẻ           |

|      |                 |            |  |  |                                                     |      |  |  |                                                        |
|------|-----------------|------------|--|--|-----------------------------------------------------|------|--|--|--------------------------------------------------------|
| 9.4  | Đặng Thế Nghĩa  |            |  |  | Xóm trong, Xã Đông Anh, HN                          | 2021 |  |  | - Người có liên quan đến ông Đặng Thế Nguyên - Con đẻ  |
| 9.5  | Lê Ngọc Anh     |            |  |  | Xóm trong, Xã Đông Anh, HN                          | 2021 |  |  | - Người có liên quan đến ông Đặng Thế Nguyên - Con Dâu |
| 9.6  | Trần Thùy Linh  |            |  |  | Xóm trong, Xã Đông Anh, HN                          | 2021 |  |  | - Người có liên quan đến ông Đặng Thế Nguyên - Con Dâu |
| 9.7  | Đặng Thế Hiền   |            |  |  | 38 ngõ 31 Nguyễn Trí Thanh, Ngọc Khánh, Ba Đình, HN | 2021 |  |  | - Người có liên quan đến ông Đặng Thế Nguyên - Em Trai |
| 9.8  | Đặng Thế Hường  |            |  |  | Xóm trong, Xã Đông Anh, HN                          | 2021 |  |  | - Người có liên quan đến ông Đặng Thế Nguyên - Em Trai |
| 10   | Nguyễn Bình An  | 033C603674 |  |  | Thôn Thụy Hà - Xã Phúc Thịnh - Thành phố Hà Nội     | 2024 |  |  |                                                        |
| 10.1 | Nguyễn Văn Vinh |            |  |  | Thôn Thụy Hà - Xã Phúc Thịnh - Thành phố Hà Nội     | 2024 |  |  | - Người có liên quan đến ông Nguyễn Bình An - Bố đẻ    |
| 10.2 | Trần Thị Thu    |            |  |  | Thôn Thụy Hà - Xã Phúc Thịnh - Thành phố Hà Nội     | 2024 |  |  | - Người có liên quan đến ông Nguyễn Bình An - Mẹ đẻ    |
| 10.3 | Vũ Thị Thu Hà   |            |  |  | Thôn Cầu Cả - xã Đông Anh -                         | 2024 |  |  | - Người có liên quan đến ông Nguyễn Bình An - Mẹ vợ    |

|       |                       |  |  |  |                                                 |      |  |  |                                                                                              |
|-------|-----------------------|--|--|--|-------------------------------------------------|------|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------|
|       |                       |  |  |  | Thành phố Hà Nội                                |      |  |  |                                                                                              |
| 10.4  | Nguyễn Thị Hồng Vân   |  |  |  | Thôn Thụy Hà - Xã Phúc Thịnh - Thành phố Hà Nội | 2024 |  |  | - Người có liên quan đến ông Nguyễn Bình An - Vợ                                             |
| 10.5  | Nguyễn Văn Quảng      |  |  |  | Tổ dân phố số 2 - Xã Hiệp Hòa - tỉnh Bắc Ninh   | 2024 |  |  | - Người có liên quan đến ông Nguyễn Bình An - Anh trai                                       |
| 10.6  | Nguyễn Thị Hồng Nhung |  |  |  | Tổ dân phố số 2 - Xã Hiệp Hòa - tỉnh Bắc Ninh   | 2024 |  |  | - Người có liên quan đến ông Nguyễn Bình An - Chị dâu                                        |
| 10.7  | Nguyễn Thị Thúy Liên  |  |  |  | Thôn Thụy Hà - Xã Phúc Thịnh - Thành phố Hà Nội | 2024 |  |  | - Người có liên quan đến ông Nguyễn Bình An - Em gái                                         |
| 10.8  | Nguyễn Duy Toán       |  |  |  | Thôn Thụy Hà - Xã Phúc Thịnh - Thành phố Hà Nội | 2024 |  |  | - Người có liên quan đến ông Nguyễn Bình An - Em rể                                          |
| 10.9  | Nguyễn Minh Giang     |  |  |  | Thôn Thụy Hà - Xã Phúc Thịnh - Thành phố Hà Nội | 2024 |  |  | - Người có liên quan đến ông Nguyễn Bình An - Con trai                                       |
| 10.10 | Nguyễn Hùng Phong     |  |  |  | Thôn Thụy Hà - Xã Phúc Thịnh - Thành phố Hà Nội | 2024 |  |  | - Người có liên quan đến ông Nguyễn Bình An - Con trai<br>- Lý do không có giấy NSH: còn nhỏ |
| 10.11 | Nguyễn Thị Hồng Nhung |  |  |  | Thôn Đản dị - xã Đông                           | 2024 |  |  | - Người có liên quan đến ông Nguyễn Bình An - Chị gái vợ                                     |

|           |                       |  |  |  |                                                                   |      |  |  |                                                                  |
|-----------|-----------------------|--|--|--|-------------------------------------------------------------------|------|--|--|------------------------------------------------------------------|
|           |                       |  |  |  | Anh -<br>Thành<br>phố Hà<br>Nội                                   |      |  |  |                                                                  |
| 10.1<br>2 | Phí Vinh Tùng<br>Hung |  |  |  | Thôn<br>Đản dị<br>- xã<br>Đông<br>Anh -<br>Thành<br>phố Hà<br>Nội | 2024 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Nguyễn Bình<br>An - Anh rể vợ |
| 10.1<br>3 | Nguyễn Thị Mỹ         |  |  |  | Thôn<br>Đản dị<br>- xã<br>Đông<br>Anh -<br>Thành<br>phố Hà<br>Nội | 2024 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Nguyễn Bình<br>An - Em gái vợ |
| 10.1<br>4 | Lê Huy Tú             |  |  |  | Thôn<br>Đản dị<br>- xã<br>Đông<br>Anh -<br>Thành<br>phố Hà<br>Nội | 2024 |  |  | - Người có liên<br>quan đến ông<br>Nguyễn Bình<br>An - Em rể vợ  |

*Ghi chú/Note: Số Giấy NSH\*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH\* No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.*

| ST<br>T<br>No. | Tên tổ<br>chức/cá<br>nhân<br><i>Name of<br/>organization/individual</i> | Mối quan<br>hệ liên<br>quan với<br>công ty<br><i>Relationship with the<br/>Company</i>    | Số<br>Giấy<br>NSH*,<br>ngày<br>cấp,<br>nơi<br>cấp<br><i>NSH<br/>No. *,<br/>date<br/>of<br/>issue,<br/>place<br/>of<br/>issue</i> | Địa<br>chỉ trụ<br>sở<br>chính/<br>Địa<br>chỉ<br>liên hệ<br><i>Addresses</i> | Thời<br>điểm giao<br>dịch với<br>công ty<br><i>Time of<br/>transactions with<br/>the<br/>Company</i> | Số Nghị<br>quyết/Quyế<br>t định của<br>ĐHĐCĐ/H<br>ĐQT...<br>thông qua<br>(nếu có,<br>nêu rõ ngày<br>ban hành)<br><i>Resolution<br/>No. or<br/>Decision<br/>No.<br/>approved<br/>by General<br/>Meeting of<br/>Shareholder<br/>s/<br/>Board of<br/>Directors<br/>(if any,<br/>specifying<br/>date of<br/>issue)</i> | Nội dung,<br>số lượng,<br>tổng giá<br>trị giao<br>dịch/<br><i>Content,<br/>quantity,<br/>total<br/>value of<br/>transaction</i> | Ghi chú<br><i>Note</i> |
|----------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1              | Công ty<br>TNHH                                                         | Giám đốc<br>công ty<br>Lam Sơn<br>là thành<br>viên BKS<br>công ty<br>Xích Líp<br>Đồng Anh |                                                                                                                                  | Khu<br>công<br>nghiệp<br>Nguyễn<br>Khê,<br>Xã<br>Phúc<br>Thịnh,<br>HN       | 1/1/2026<br>–<br>30/6/2026                                                                           | 01/2025/N<br>Q-<br>ĐHCĐTN,<br>ngày<br>15/4/2025                                                                                                                                                                                                                                                                    | 182,4 tỷ<br>đồng                                                                                                                |                        |

*Ghi chú/Note: Số Giấy NSH\*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH\* No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/*Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power. Không có*

| Stt<br>No. | Người<br>thực hiện<br>giao dịch<br><i>Transacti</i> | Quan hệ<br>với người<br>nội bộ<br><i>Relationshi</i> | Chức vụ<br>tại<br>CTNY<br><i>Posittio</i> | Số<br>CMND/<br>Hộ<br>chiếu,<br><i></i> | Địa chỉ<br><i>Addresses</i> | Tên công<br>ty con,<br>công ty do<br>CTNY | Thời<br>điểm<br>giao<br>dịch | Nội dung,<br>số lượng,<br>tổng giá<br>trị giao | Ghi<br>chú<br><i>Note</i> |
|------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------|
|------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------|

|  | on<br>executor | p with<br>internal<br>persons | n at the<br>listed<br>Compan<br>y | ngày<br>cấp, nơi<br>cấp<br>ID card<br>No./<br>Passport<br>No., date<br>of issue,<br>place of<br>issue |  | nắm quyền<br>kiểm soát<br>Name of<br>subsidiari<br>es or<br>companies<br>which the<br>Company<br>control | Time of<br>transact<br>ion | dịch/<br>Content,<br>quantity,<br>total<br>value of<br>transactio<br>n |  |
|--|----------------|-------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------|--|
|  |                |                               |                                   |                                                                                                       |  |                                                                                                          |                            |                                                                        |  |

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/*Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO).*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/*Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers.*

### **VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)/*Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report/annual report)***

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons*

| Stt<br>No. | Họ tên<br>Name | Tài<br>khoản<br>giao dịch | Chức vụ<br>tại công ty<br>(nếu có) | Số<br>CMND/<br>Hộ | Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối | Ghi chú<br>Note |
|------------|----------------|---------------------------|------------------------------------|-------------------|-------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|-----------------|
|------------|----------------|---------------------------|------------------------------------|-------------------|-------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|-----------------|

|     |                            | chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account<br/>(if any)</i> | <i>Position at<br/>the<br/>company<br/>(if any)</i> | chiếu,<br>ngày<br>cấp, nơi<br>cấp<br><i>ID card<br/>No./Pas<br/>sport<br/>No.,<br/>date of<br/>issue,<br/>place of<br/>issue</i> |                                                    | kỳ<br><i>Number of<br/>shares<br/>owned at<br/>the end of<br/>the period</i> | kỳ<br><i>Percentage<br/>of share<br/>ownership<br/>at the end<br/>of the<br/>period</i> |  |
|-----|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 1   | <b>Phan Tấn<br/>Bình</b>   | 072C03014<br>1                                                                       | CT HĐQT                                             |                                                                                                                                  | Tổ 20 –<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                   |                                                                              |                                                                                         |  |
| 1.1 | Bùi Thị<br>Bình            |                                                                                      |                                                     |                                                                                                                                  | Tổ 20 –<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                   |                                                                              |                                                                                         |  |
| 1.2 | Phan<br>Thanh Việt         | 072C-<br>092918                                                                      | Trợ lý CT<br>HĐQT                                   |                                                                                                                                  | Tổ 20 –<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                   |                                                                              |                                                                                         |  |
| 1.3 | Phan<br>Thành<br>Nam       | 072C-<br>001839                                                                      |                                                     |                                                                                                                                  | Tổ 20 –<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                   |                                                                              |                                                                                         |  |
| 1.4 | Dương Thị<br>Thu Hiền      |                                                                                      |                                                     |                                                                                                                                  | Tổ 20 –<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                   |                                                                              |                                                                                         |  |
| 1.5 | Lại Thị<br>Hằng            |                                                                                      |                                                     |                                                                                                                                  | Tổ 20 –<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                   |                                                                              |                                                                                         |  |
| 2   | <b>Phùng<br/>Quang Hải</b> | 072C00215<br>6                                                                       | TV HĐQT -<br>TGD                                    |                                                                                                                                  | Tổ 22 –<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                   |                                                                              |                                                                                         |  |
| 2.1 | Nguyễn<br>Thị Minh         |                                                                                      |                                                     |                                                                                                                                  | Thôn<br>Xuân<br>Nộn - Xã<br>Thụ<br>Lâm -<br>Hà Nội |                                                                              |                                                                                         |  |
| 2.2 | Đoàn Thị<br>Tâm            |                                                                                      |                                                     |                                                                                                                                  | Tổ 22 –<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                   |                                                                              |                                                                                         |  |
| 2.3 | Phùng<br>Quang Anh         | 072C-<br>001832                                                                      |                                                     |                                                                                                                                  | Tổ 22 –<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                   |                                                                              |                                                                                         |  |
| 2.4 | Phùng Mỹ<br>Linh           |                                                                                      |                                                     |                                                                                                                                  | Tổ 22 –<br>Xã Thụ<br>Lâm -<br>HN                   |                                                                              |                                                                                         |  |

|      |                         |            |               |  |                             |  |  |  |
|------|-------------------------|------------|---------------|--|-----------------------------|--|--|--|
| 2.5  | Nghiêm Thị Kim Huệ      |            |               |  | Tổ 22 - Xã Thụ Lâm - HN     |  |  |  |
| 2.6  | Phùng Thị Dương         |            |               |  | Thạc Đà, Yên Lãng - Hà Nội  |  |  |  |
| 2.7  | Lưu Văn Vịnh            |            |               |  | Thạch Đà, Yên Lãng - Hà Nội |  |  |  |
| 3    | <b>Phạm Đức Hiếu</b>    | 072C70055  | TV HĐQT - KTT |  | Tổ 19 - Xã Thụ Lâm - HN     |  |  |  |
| 3.1  | Phạm Tráng Điền         |            |               |  | Tổ 19 - Xã Thụ Lâm - HN     |  |  |  |
| 3.2  | Nguyễn Thị An           |            |               |  | Tổ 19 - Xã Thụ Lâm - HN     |  |  |  |
| 3.3  | Nguyễn Thanh Hà         |            |               |  | Tổ 19 - Xã Thụ Lâm - HN     |  |  |  |
| 3.4  | Phạm Quốc Hưng          |            |               |  | Tổ 19 - Xã Thụ Lâm - HN     |  |  |  |
| 3.5  | Phạm Quỳnh Như          |            |               |  | Tổ 19 - Xã Thụ Lâm - HN     |  |  |  |
| 3.6  | Phạm Thị Hạnh           |            |               |  | Australia                   |  |  |  |
| 3.7  | Nguyễn Văn Nam          |            |               |  | Australia                   |  |  |  |
| 3.8  | Nguyễn Mậu Minh         |            |               |  | Tổ 3 - Xã Thụ Lâm - HN      |  |  |  |
| 3.9  | Đặng Phương Hồng        |            |               |  | Tổ 3 - Xã Thụ Lâm - HN      |  |  |  |
| 3.10 | Nguyễn Hoài Nam         |            |               |  | Tổ 3 - Xã Thụ Lâm - HN      |  |  |  |
| 3.11 | Nguyễn Thị Thu Hương    |            |               |  | Tổ 3 - Xã Thụ Lâm - HN      |  |  |  |
| 4    | <b>Nguyễn Minh Tuấn</b> | 0001552725 | TV HĐQT       |  | Tổ 21 - Xã Thụ Lâm - HN     |  |  |  |
| 4.1  | Phạm Thị Phòng          |            |               |  | Biểu Khê-Xã                 |  |  |  |

|          |                              |  |  |  |                                                    |  |  |  |
|----------|------------------------------|--|--|--|----------------------------------------------------|--|--|--|
|          |                              |  |  |  | Thư<br>Lâm-HN                                      |  |  |  |
| 4.2      | Nguyễn<br>Thị Thanh<br>(Lưu) |  |  |  | Thôn<br>Tiên<br>Hùng -<br>Xã Phúc<br>Thịnh -<br>HN |  |  |  |
| 4.3      | Nguyễn<br>Thị Ánh<br>Nhưng   |  |  |  | Tổ 21 -<br>Xã Thư<br>Lâm -<br>HN                   |  |  |  |
| 4.4      | Nguyễn<br>Thuỳ<br>Trang      |  |  |  | Tổ 21 -<br>Xã Thư<br>Lâm -<br>HN                   |  |  |  |
| 4.5      | Nguyễn Hà<br>My              |  |  |  | Tổ 21 -<br>Xã Thư<br>Lâm -<br>HN                   |  |  |  |
| 4.6      | Nguyễn<br>Minh Nhật          |  |  |  | Tổ 21 -<br>Xã Thư<br>Lâm -<br>HN                   |  |  |  |
| 4.7      | Nguyễn<br>Văn Tú             |  |  |  | Biểu<br>khê-Xã<br>Thư<br>Lâm -<br>HN               |  |  |  |
| 4.8      | Nguyễn<br>Thị Nga            |  |  |  | Biểu<br>khê-Xã<br>Thư<br>Lâm -<br>HN               |  |  |  |
| 4.9      | Nguyễn<br>Thị Lịch           |  |  |  | Biểu<br>khê-Xã<br>Thư<br>Lâm -<br>HN               |  |  |  |
| 4.1<br>0 | Nguyễn<br>Thị Xuân           |  |  |  | Biểu<br>khê-Xã<br>Thư<br>Lâm -<br>HN               |  |  |  |
| 4.1<br>1 | Đào Xuân<br>Mai              |  |  |  | Tổ 19 -<br>Xã Thư<br>Lâm -<br>HN                   |  |  |  |
| 4.1<br>2 | Nguyễn<br>Thị Hoa            |  |  |  | Tổ 19 -<br>Xã Thư<br>Lâm -<br>HN                   |  |  |  |
| 4.1<br>3 | Nguyễn<br>Thế Minh           |  |  |  | Thôn<br>Khê Nữ -<br>Xã Phúc<br>Thịnh -<br>HN       |  |  |  |
| 4.1<br>4 | Nguyễn<br>Thị Mai            |  |  |  | Thôn<br>Khê Nữ -<br>Xã Phúc<br>Thịnh -<br>HN       |  |  |  |

|          |                   |                |         |  |                                                                                                                                                                |  |  |  |
|----------|-------------------|----------------|---------|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
| 4.1<br>5 | Đỗ Văn Thuận      |                |         |  | Biểu<br>khê-Xã<br>Thư<br>Lâm-HN                                                                                                                                |  |  |  |
| 4.1<br>6 | Nguyễn Văn Trường |                |         |  | Thôn<br>Tiên<br>Hùng –<br>Xã Phúc<br>Thịnh -<br>HN                                                                                                             |  |  |  |
| 4.1<br>7 | Nguyễn Thị Lan    |                |         |  | Thôn<br>Tiên<br>Hùng –<br>Xã Phúc<br>Thịnh -<br>HN                                                                                                             |  |  |  |
| 5        | Nguyễn Hữu Thắng  | 072C00689<br>8 | TV HĐQT |  | Khu<br>chức<br>năng đô<br>thị<br>Thành<br>phố<br>Xanh, Tổ<br>dân phố<br>số 16,<br>Phường<br>Cầu<br>Diễn,<br>Quận<br>Nam Từ<br>Liêm,<br>Thành<br>phố Hà<br>Nội. |  |  |  |
| 5.1      | Nguyễn Văn Trọng  |                |         |  | TDP số<br>16, Cầu<br>Diễn,<br>Nam Từ<br>Liêm, Hà<br>Nội                                                                                                        |  |  |  |
| 5.2      | Nguyễn Thị Lựu    |                |         |  | TDP số<br>16, Cầu<br>Diễn,<br>Nam Từ<br>Liêm, Hà<br>Nội                                                                                                        |  |  |  |
| 5.3      | Phan Thị Lạc      |                |         |  | 66A<br>Trần<br>Hưng<br>Đạo, P.<br>Trần<br>Hưng<br>Đạo, Q.<br>Hoàn<br>Kiếm,<br>Hà Nội                                                                           |  |  |  |
| 5.4      | Bạch Thanh Nhân   |                |         |  | TDP số<br>16, Cầu<br>Diễn,<br>Nam Từ<br>Liêm, Hà<br>Nội                                                                                                        |  |  |  |

|      |                                         |              |                   |  |                                                                 |  |  |  |
|------|-----------------------------------------|--------------|-------------------|--|-----------------------------------------------------------------|--|--|--|
| 5.5  | Nguyễn Hữu Hoàng                        |              |                   |  | TDP số 16, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội                        |  |  |  |
| 5.6  | Nguyễn Hữu Hà                           |              |                   |  | TDP số 16, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội                        |  |  |  |
| 5.7  | Nguyễn Thu Trang                        |              |                   |  | TDP số 16, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội                        |  |  |  |
| 5.8  | Nguyễn Anh Tuấn                         |              |                   |  | 66 Nguyễn Văn Cừ, Tổ 3, Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội                |  |  |  |
| 5.9  | Bạch Quốc Trung                         | 040C-5055555 |                   |  | Nhà A33 tập thể TW Đoàn, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy Hà Nội  |  |  |  |
| 5.10 | Công ty cổ phần cơ điện miền Trung -CJC |              |                   |  | KCN Hòa Cầm, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng |  |  |  |
| 6    | Nguyễn Thị Thu Hà                       | 072C002608   | Phó Tổng Giám đốc |  | Tổ 13 - Xã Thụ Lâm - Hà Nội                                     |  |  |  |
| 6.1  | Nguyễn Kiên                             |              |                   |  | Tổ 17 - Xã Thụ Lâm- Hà Nội                                      |  |  |  |
| 6.2  | Bạch Thị Thư                            |              |                   |  | Tổ 17 - Xã Thụ Lâm- Hà Nội                                      |  |  |  |
| 6.3  | Nguyễn Văn Trường                       |              |                   |  | Tổ 13 - Xã Thụ Lâm - Hà Nội                                     |  |  |  |

|     |                           |            |                      |  |                                                        |  |  |  |
|-----|---------------------------|------------|----------------------|--|--------------------------------------------------------|--|--|--|
| 6.4 | Nguyễn Thùy Dương         |            |                      |  | Tổ 13 - Xã Thụ Lâm - Hà Nội                            |  |  |  |
| 6.5 | Nguyễn Duy Bảo            |            |                      |  | Tổ 13 - Xã Thụ Lâm - Hà Nội                            |  |  |  |
| 6.6 | Nguyễn Mạnh Hùng          |            |                      |  | Tổ 17 - Xã Thụ Lâm - Hà Nội                            |  |  |  |
| 6.7 | Đặng Linh Lan             |            |                      |  | Tổ 17 - Xã Thụ Lâm - Hà Nội                            |  |  |  |
| 7   | <b>Ngô Vĩnh Tinh</b>      | 072C002605 | Tổng Giám đốc        |  | Thôn Thụy Lôi - Xã Thụ Lâm - HN                        |  |  |  |
| 7.1 | Nguyễn Thị Lan            |            |                      |  | Thôn Thụy Lôi - Xã Thụ Lâm - HN                        |  |  |  |
| 7.2 | Ngô Anh Tiến              |            |                      |  | Thôn Thụy Lôi - Xã Thụ Lâm - HN                        |  |  |  |
| 7.3 | Nguyễn Thị Thu Trang      |            |                      |  | Thôn Thụy Lôi - Xã Thụ Lâm - HN                        |  |  |  |
| 8   | <b>Trần Thị Việt Hằng</b> | 072C002664 | Trưởng Ban kiểm soát |  | Tổ 22- Xã Thụ Lâm-HN                                   |  |  |  |
| 8.1 | Trần Văn Hiến             |            |                      |  | Tổ 22- Xã Thụ Lâm-HN                                   |  |  |  |
| 8.2 | Đỗ Thị Hoa                |            |                      |  | Tổ 22- Xã Thụ Lâm-HN                                   |  |  |  |
| 8.3 | Nguyễn Thị Vĩnh           |            |                      |  | Xóm Bắc- Xã Hoàng Đan- Huyện Tam Dương- Tỉnh Vĩnh Phúc |  |  |  |
| 8.4 | Dương Ngọc Minh           |            |                      |  | Xóm Bắc- Xã Hoàng Đan-                                 |  |  |  |

|          |                          |  |  |  |                                                                                   |  |  |  |
|----------|--------------------------|--|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
|          |                          |  |  |  | Huyện<br>Tam<br>Dương-<br>Tỉnh<br>Vĩnh<br>Phúc                                    |  |  |  |
| 8.5      | Trần Việt<br>Dũng        |  |  |  | P221-<br>D8-Tổ<br>7-Khu<br>đô thị<br>Đặng<br>Xá-Đặng<br>Xá-Gia<br>Lâm-Hà<br>Nội   |  |  |  |
| 8.6      | Cao Thị<br>Khánh<br>Ngọc |  |  |  | P221-<br>D8-Tổ<br>7-Khu<br>đô thị<br>Đặng<br>Xá-Đặng<br>Xá-Gia<br>Lâm-Hà<br>Nội   |  |  |  |
| 8.7      | Dương<br>Trung Kiên      |  |  |  | Tổ 22-<br>Xã Thụ<br>Lâm-HN                                                        |  |  |  |
| 8.8      | Dương<br>Nhật Nam        |  |  |  | Tổ 22-<br>Xã Thụ<br>Lâm-HN                                                        |  |  |  |
| 8.9      | Dương Tuệ<br>Đức         |  |  |  | Tổ 22-<br>Xã Thụ<br>Lâm-HN                                                        |  |  |  |
| 8.1<br>0 | Dương Thị<br>Bình An     |  |  |  | Xóm<br>Bắc- Xã<br>Hoàng<br>Đan<br>Huyện<br>Tam<br>Dương-<br>Tỉnh<br>Vĩnh<br>Phúc  |  |  |  |
| 8.1<br>1 | Dương<br>Ngọc Bình       |  |  |  | Xóm<br>Bắc- Xã<br>Hoàng<br>Đan-<br>Huyện<br>Tam<br>Dương-<br>Tỉnh<br>Vĩnh<br>Phúc |  |  |  |
| 8.1<br>2 | Lê Văn<br>Bưởi           |  |  |  | Thôn<br>Ngòi-<br>Hoàng<br>Đan-<br>Tam<br>Dương-<br>Vĩnh<br>Phúc                   |  |  |  |
| 8.1<br>3 | Bế Thị Lan               |  |  |  | Vũng<br>Bền,                                                                      |  |  |  |

|          |                            |                 |                     |  |                                                                             |  |  |  |
|----------|----------------------------|-----------------|---------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
|          |                            |                 |                     |  | Quang<br>Hán,<br>Trùng<br>Khánh,<br>Cao<br>Bằng                             |  |  |  |
| 9        | <b>Đặng Thế<br/>Nguyễn</b> | 072C-<br>001167 | TV Ban<br>kiểm soát |  | Xóm<br>Trong -<br>Xã Đông<br>Anh - Hà<br>Nội                                |  |  |  |
| 9.1      | Hoàng Thị<br>Mùa           |                 |                     |  | Xóm<br>trong,<br>Xã Đông<br>Anh, HN                                         |  |  |  |
| 9.2      | Vương Thị<br>Thường        |                 |                     |  | Xóm<br>trong,<br>Xã Đông<br>Anh, HN                                         |  |  |  |
| 9.3      | Đặng Thế<br>Chính          |                 |                     |  | Xóm<br>trong,<br>Xã Đông<br>Anh, HN                                         |  |  |  |
| 9.4      | Đặng Thế<br>Nghĩa          |                 |                     |  | Xóm<br>trong,<br>Xã Đông<br>Anh, HN                                         |  |  |  |
| 9.5      | Lê Ngọc<br>Anh             |                 |                     |  | Xóm<br>trong,<br>Xã Đông<br>Anh, HN                                         |  |  |  |
| 9.6      | Trần Thùy<br>Linh          |                 |                     |  | Xóm<br>trong,<br>Xã Đông<br>Anh, HN                                         |  |  |  |
| 9.7      | Đặng Thế<br>Hiền           |                 |                     |  | 38 ngõ<br>31<br>Nguyễn<br>Trí<br>Thanh,<br>Ngọc<br>Khánh,<br>Ba Đình,<br>HN |  |  |  |
| 9.8      | Đặng Thế<br>Hường          |                 |                     |  | Xóm<br>trong,<br>Xã Đông<br>Anh, HN                                         |  |  |  |
| 10       | <b>Nguyễn<br/>Bình An</b>  | 033C60367<br>4  |                     |  | Thôn<br>Thụy Hà<br>- Xã<br>Phúc<br>Thịnh -<br>Thành<br>phố Hà<br>Nội        |  |  |  |
| 10.<br>1 | Nguyễn<br>Văn Vinh         |                 |                     |  | Thôn<br>Thụy Hà<br>- Xã<br>Phúc<br>Thịnh -<br>Thành<br>phố Hà               |  |  |  |

|          |                             |  |  |  |                                                                      |  |  |  |
|----------|-----------------------------|--|--|--|----------------------------------------------------------------------|--|--|--|
|          |                             |  |  |  | Nội                                                                  |  |  |  |
| 10.<br>2 | Trần Thị<br>Thư             |  |  |  | Thôn<br>Thụy Hà<br>- Xã<br>Phúc<br>Thịnh -<br>Thành<br>phố Hà<br>Nội |  |  |  |
| 10.<br>3 | Vũ Thị Thu<br>Hà            |  |  |  | Thôn<br>Cầu Cả -<br>xã Đông<br>Anh -<br>Thành<br>phố Hà<br>Nội       |  |  |  |
| 10.<br>4 | Nguyễn<br>Thị Hồng<br>Vân   |  |  |  | Thôn<br>Thụy Hà<br>- Xã<br>Phúc<br>Thịnh -<br>Thành<br>phố Hà<br>Nội |  |  |  |
| 10.<br>5 | Nguyễn<br>Văn Quảng         |  |  |  | Tổ dân<br>phố số 2<br>- Xã<br>Hiệp<br>Hòa -<br>tỉnh Bắc<br>Ninh      |  |  |  |
| 10.<br>6 | Nguyễn<br>Thị Hồng<br>Nhưng |  |  |  | Tổ dân<br>phố số 2<br>- Xã<br>Hiệp<br>Hòa -<br>tỉnh Bắc<br>Ninh      |  |  |  |
| 10.<br>7 | Nguyễn<br>Thị Thúy<br>Liên  |  |  |  | Thôn<br>Thụy Hà<br>- Xã<br>Phúc<br>Thịnh -<br>Thành<br>phố Hà<br>Nội |  |  |  |
| 10.<br>8 | Nguyễn<br>Duy Toán          |  |  |  | Thôn<br>Thụy Hà<br>- Xã<br>Phúc<br>Thịnh -<br>Thành<br>phố Hà<br>Nội |  |  |  |
| 10.<br>9 | Nguyễn<br>Minh Giang        |  |  |  | Thôn<br>Thụy Hà<br>- Xã<br>Phúc<br>Thịnh -<br>Thành<br>phố Hà<br>Nội |  |  |  |

|           |                       |  |  |  |                                                 |  |  |  |
|-----------|-----------------------|--|--|--|-------------------------------------------------|--|--|--|
| 10.<br>10 | Nguyễn Hùng Phong     |  |  |  | Thôn Thụy Hà - Xã Phúc Thịnh - Thành phố Hà Nội |  |  |  |
| 10.<br>11 | Nguyễn Thị Hồng Nhung |  |  |  | Thôn Dân dị - xã Đông Anh - Thành phố Hà Nội    |  |  |  |
| 10.<br>12 | Phí Vinh Tùng Hưng    |  |  |  | Thôn Dân dị - xã Đông Anh - Thành phố Hà Nội    |  |  |  |
| 10.<br>13 | Nguyễn Thị Mỹ         |  |  |  | Thôn Dân dị - xã Đông Anh - Thành phố Hà Nội    |  |  |  |
| 10.<br>14 | Lê Huy Tú             |  |  |  | Thôn Dân dị - xã Đông Anh - Thành phố Hà Nội    |  |  |  |

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/*Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company*

| Stt No. | Người thực hiện giao dịch<br><i>Transaction executor</i> | Quan hệ với người nội bộ<br><i>Relationship with internal persons</i> | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ<br><i>Number of shares owned at the beginning of the period</i> |                             | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br><i>Number of shares owned at the end of the period</i> |                             | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)<br><i>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)</i> |
|---------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|         |                                                          |                                                                       | <i>Số cổ phiếu<br/>Number of shares</i>                                                   | <i>Tỷ lệ<br/>Percentage</i> | <i>Số cổ phiếu<br/>Number of shares</i>                                              | <i>Tỷ lệ<br/>Percentage</i> |                                                                                                                                                |
|         |                                                          |                                                                       |                                                                                           |                             |                                                                                      |                             |                                                                                                                                                |

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/*Other significant issues*

Nơi nhận:

Recipients:

- .....
- Lưu: VT,...
- Archived:....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Sign, full name and seal)



Nguồn: Thông tư 96/2020/TT-BTC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*Phạm Văn Bình*

M.S.D.N.